

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VĨNH HOÀ

**NGHỊ QUYẾT
KỲ HỌP THỨ 13 HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KHOÁ
XXII**

Vĩnh Hoà , tháng 12 năm 2023

Số: 51 /NQ-HĐND

Vĩnh Hòa, ngày 28 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023
Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VĨNH HÒA
KHÓA XXII, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND, ngày 30/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm và kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;

Xét Tờ trình số 45/TTr-UBND, ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa về Dự thảo Nghị quyết kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 những nội dung chính như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH NĂM 2023

1. Giá trị sản xuất ngành Nông nghiệp ước đạt 180 tỷ đồng. (tăng 7 tỷ đồng so với năm 2022), bằng 101% KH
2. Giá trị sản xuất CN-TTCN, XD ước đạt 163,2 tỷ đồng (tăng 12 tỷ đồng so với năm 2022), bằng 102% KH
3. Giá trị Thương mại, DV, thu khác ước đạt 323,6 tỷ đồng (tăng 17,6 tỷ đồng so với năm 2022), bằng 101% KH
4. Giá trị thu được trên 1ha đất trồng trọt, nuôi trồng thủy sản ước đạt 170 triệu đồng.

5. Sản lượng thủy sản thu hoạch ước đạt 920 tấn (*KH năm 900 tấn*).
6. Đẩy nhanh việc tái đàn lợn, phát triển đàn bò, đàn gia cầm và thủy cầm sản lượng thịt hơi ước đạt 950 tấn (*KH năm 912 tấn*).
7. Thu ngân sách xã 11 tháng năm 2023 đạt: 130,8% kế hoạch huyện giao.
8. Tập trung triển khai thực hiện các dự án kế hoạch đầu tư công năm 2023.
9. Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc-xin đạt 98% trở lên. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống 6,7% Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%.
10. Tỷ lệ người lao động trong độ tuổi tham gia BHXH ước đạt 45%; tỷ lệ người tham bảo hiểm y tế đạt 97,8% .
11. Duy trì 100% hộ dân được sử dụng nước sạch, tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom xử lý đạt 98% .
12. Giảm tỷ lệ hộ nghèo (*theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2021-2025*) 0,2% so với năm 2022.
13. Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 95,05% ; duy trì giữ vững 02 làng văn hóa; có 95% trở lên cơ quan, đơn vị đạt cơ quan, đơn vị văn hóa.
14. Hoàn thành các chỉ tiêu nông thôn mới kiểu mẫu.
15. Có 90% trở lên cán bộ, công chức đạt danh hiệu lao động tiên tiến và xuất sắc. Chính quyền đạt tiên tiến theo khối thi đua cụm và các xã trong huyện.
16. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được củng cố tăng cường, hoàn thành nhiệm vụ Quốc phòng và công tác quân sự địa phương. Đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện.

****Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ còn tồn tại một số yếu kém sau:***

1. Tình trạng bỏ hoang diện tích không gieo cấy (*1,5 ha*); một số hộ dân cấy chưa đúng khung thời vụ vẫn còn; Áp dụng khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng, đưa những giống cây con có giá trị kinh tế cao vào đồng ruộng còn thấp; Công tác quy hoạch mô hình cây lúa tập trung (*một vùng một giống một thời gian*) chưa đảm bảo vẫn còn một số hộ cấy xen kẽ giống lúa khác, diện tích trồng cây vụ đông chưa đạt kế hoạch đề ra.
2. Thực hiện dự án công trình trong kế hoạch đầu tư công năm 2023 còn chậm.
3. Công tác giải tỏa bãi vật cản trên một số tuyến kênh mương và bảo đảm trật tự an toàn giao thông thực hiện chưa nghiêm, chưa quyết liệt: Việc chấp hành về giải tỏa hành lang ATGT ven QL 37; Tình trạng bán hàng lấn chiếm, tái lấn chiếm lòng, lề đường khu vực chợ Hòa ảnh hưởng không nhỏ đến việc tham gia giao thông của nhân dân.
4. Nguồn thu theo kế hoạch từ đất tỷ lệ đạt thấp, chưa đạt yêu cầu theo KH đề ra. Tình trạng vi phạm trong lĩnh vực quản lý đất đai còn xảy ra như: Tự ý lấn chiếm đất công, san lấp ao trái phép; làm thay đổi mặt bằng trên diện tích đất nông nghiệp còn xảy ra;

5. Chất lượng và hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng thôn, khu dân cư chưa cao; Công tác tuyên truyền về chuyển đổi số; xây dựng chính quyền điện tử, trên địa bàn xã chưa thường xuyên sâu rộng; nhận thức về chuyển đổi số của một số người dân, doanh nghiệp... còn hạn chế.

6. Công tác nắm tình hình, chủ động đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, nhất là tội phạm trộm cắp tài sản của nhân dân còn xảy ra trên địa bàn.

7. Công tác giáo dục Quốc phòng chưa được rộng khắp có chiều sâu, việc phối hợp với ban, ngành, đoàn thể và khu dân cư trong nhiệm vụ Quốc phòng - Quân sự địa phương còn chưa đồng bộ, chưa chặt chẽ. Công tác quản lý rà soát, phúc tra nguồn tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ còn gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ nam công dân không đủ sức khỏe còn cao so với số lượng gọi khám;.

8. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật chưa đa dạng và phong phú.

B. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

I. Các chỉ tiêu chính

1. Giá trị sản xuất ngành Nông nghiệp phấn đấu đạt 183 tỷ đồng.
2. Giá trị sản xuất CN-TTCN, XD phấn đấu đạt 170 tỷ đồng
3. Giá trị Thương mại, DV, thu khác phấn đấu đạt 325 tỷ đồng
4. Giá trị thu được trên 1ha đất trồng trọt, nuôi trồng thủy sản phấn đấu đạt 178 triệu đồng.
5. Sản lượng thủy sản thu hoạch phấn đấu đạt 980 tấn
6. Đẩy nhanh việc tái đàn lợn, phát triển đàn bò, đàn gia cầm và thủy cầm phấn đấu sản lượng thịt hơi phấn đấu đạt 1100 tấn.
7. Thu ngân sách trên địa bàn tăng từ 10% trở lên so KH huyện giao.
8. Tập trung triển khai các dự án kế hoạch đầu tư công năm 2024.
9. Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc-xin phấn đấu 99% trở lên. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống 6,5%. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%
10. Tỷ lệ người lao động trong độ tuổi tham gia BHXH phấn đấu 45% trở lên; tỷ lệ người tham bảo hiểm y tế phấn đấu 98% trở lên.
11. Duy trì 100% hộ dân được sử dụng nước sạch, tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom xử lý phấn đấu 98% trở lên.
12. Tỷ lệ hộ nghèo phấn đấu năm 2024 còn 1,6% giảm 0,20% so với năm 2023.
13. Tỷ lệ gia đình văn hóa phấn đấu 96% trở lên; duy trì giữ vững 02 làng văn hóa; có 95% trở lên cơ quan, đơn vị đạt cơ quan, đơn vị văn hóa.
14. Phấn đấu Chỉ số CCHC tăng 02 bậc so với năm 2023.
15. Tiếp tục duy trì và nâng cao các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu.
16. Có 90% trở lên cán bộ, công chức đạt danh hiệu lao động tiên tiến và xuất sắc. Chính quyền đạt tiên tiến theo khối thi đua cụm và các xã trong huyện.

III. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã-xã hội năm 2024.

1. Tập trung triển khai kế hoạch sản xuất năm 2024, đảm bảo diện tích, cơ cấu trà, vụ. Tăng cường chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất: (*nhân rộng mô hình mạ khay cấy máy Vụ chiêm 45 ha; Vụ mùa 50 ha*), Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa; đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; rà soát nghiên cứu quy hoạch các sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn, đồng thời tăng cường quảng bá hình ảnh và tìm đầu ra cho các sản phẩm OCCOP.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai đồng bộ các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm và thủy sản; duy trì, tạo điều kiện phát triển các mô hình chăn nuôi, thủy sản tập trung; Thực hiện tốt kế hoạch làm thủy lợi nội đồng; Tổ chức đại hội thường niên HTXDVNN năm 2024

2. Chủ động nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM nâng cao; NTM kiểu mẫu theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025.

3. Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Tổ chức quản lý, khai thác hiệu quả các nguồn thu, xây dựng đề án thực hiện các giải pháp thu hồi công nợ; Phần đầu tăng thu từ 10% trở lên so kế hoạch huyện giao. Kiểm soát chặt chẽ, công khai, minh bạch các nguồn ngân sách; giải ngân các nguồn vốn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo kịp thời, đúng quy định. Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc xử lý nợ XDCB và thực hiện quyết toán các công trình đã hoàn thành. Thực hiện quyết toán ngân sách năm 2023.

4. Xây dựng và triển khai kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông; Kế hoạch giải toả hành lang ATGT năm 2024; Tập trung triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công năm 2024. Tập trung tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất mở đường và huy động sự vào cuộc đóng góp của nhân dân tại một số tuyến đường trong khu dân cư trên địa bàn xã.

5. Tăng cường công tác tuyên truyền, quản lý Nhà nước, xử lý kịp thời không để phát sinh mới về vi phạm đất đai; Tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch về đo đạc, chỉnh lý bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa; Triển khai Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Làm tốt công tác kiểm tra, giám sát việc công bố, công khai và thực hiện quy hoạch. UBND xã phối hợp các phòng chuyên môn UBND huyện lập hồ sơ quy hoạch thị trấn ninh Giang mở rộng toàn bộ xã Vĩnh hòa giải đoạn đến năm 2030.

Duy trì hiệu quả hoạt động của 02 tổ vệ sinh môi trường; tăng cường tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

6. Đẩy mạnh tuyên truyền tuyên truyền các ngày lễ, ngày kỷ niệm của đất nước và các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Quan tâm đầu tư hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thể thao tại cơ sở; quản lý, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa và di tích lịch sử trên địa bàn.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết “Chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn xã. Tập trung chỉ đạo việc tiếp nhận, giải quyết TTHC dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và qua dịch vụ bưu chính công ích bảo đảm đạt và vượt chỉ tiêu giao.

7. Hoàn thành kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, kế hoạch phòng chống dịch bệnh năm 2024. Đẩy mạnh các biện pháp quản lý, giám sát đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn. Tăng cường tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia BHYT, BHXH theo kế hoạch huyện giao.

8. Tập trung triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Tiếp tục triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, chăm sóc và bảo vệ trẻ em.... Hoàn thành kế hoạch điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có thu nhập trung bình năm 2024. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chương trình giảm nghèo, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, người có công. Thường xuyên kiểm tra, rà soát và xử lý những tồn tại trong thực hiện chế độ chính sách tại địa phương, rà soát, lập danh sách người cao tuổi thuộc diện chúc thọ, mừng thọ năm 2024.

10. Chủ động nắm tình hình nhân dân, hoạt động tôn giáo, hoạt động của người nước ngoài và công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về địa phương. Tiếp tục thực hiện tốt chiến lược bảo vệ An ninh Tổ quốc trong tình hình mới. Tập trung lực lượng điều tra, xử lý kịp thời những vụ việc phát sinh trên địa bàn. Triển khai đồng bộ các giải pháp kiểm chế, đẩy lùi tệ nạn xã hội.

11. Duy trì nghiêm chế độ trực tại Ban chỉ huy quân sự xã. Hoàn thành kế hoạch tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2024; Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2025. Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch huấn luyện dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; Thực hiện tốt các chính sách hậu phương quân đội.

12. Thực hiện nghiêm Luật Tiếp công dân, Thường xuyên đón tiếp, xử lý kịp thời đơn thư khiếu nại - tố cáo và đề nghị của công dân. Nâng cao chất lượng giải quyết đơn thư và thực hiện tốt các kết luận sau thanh tra. Tăng cường đối thoại giữa người đứng đầu chính quyền địa phương với nhân dân.

13. Xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao - nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024; Thực hiện có hiệu quả công tác hoà giải ở cơ sở; tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch, chứng thực; Tập trung giải quyết có hiệu quả các TTHC trực tuyến, số hóa hồ sơ, chứng thực điện tử;

14. Tiếp tục triển khai hiệu quả các Chương trình, Đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XXVIII, nhiệm kỳ 2020-2025; Thực hiện nghiêm Quy chế làm việc nhiệm kỳ 2021-2026. Tiếp tục thực hiện tốt công tác Dân vận chính quyền; Nghị quyết TW4 (khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, trong triển khai và

giải quyết công việc. Thực hiện tốt quy chế phối hợp với Thường trực HĐND, UBNDTTQ và các đoàn thể nhân dân trong triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp tổ chức tốt các kỳ họp HĐND xã; các cuộc tiếp xúc cử tri và giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về quy định chức danh, mức phụ cấp, mức hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và mức khoán kinh phí hoạt động các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

15. Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2024; Phần đầu chỉ số CCHC tăng 2 bậc so với năm 2023. Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả tổ chức các hội nghị, cuộc họp.

16. Thực hiện nghiêm Luật phòng chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí; Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, hai Ban của Hội đồng nhân dân xã và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hòa khóa XXII, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND huyện;
 - UBND huyện;
 - Phòng tư pháp;
 - ĐB HĐND huyện (ứng cử tại xã);
 - TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
 - LB UBND, TT UBNDTTQ xã;
 - Hai ban HĐND xã, Đại biểu HĐND xã;
 - Các ban, ngành, đoàn thể xã;
 - Lưu: VT.
- (để báo cáo)



CHỦ TỊCH

Hà Văn Hùng

Số: 52 /NQ - HĐND

Vĩnh Hòa, ngày 28 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc bổ sung ngân sách xã năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VĨNH HÒA
KHÓA XXII, KỲ HỌP THỨ 13

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ vào Quyết định số 5519/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của
UBND huyện Ninh Giang, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân xã Vĩnh Hòa - Kỳ họp thứ Chín về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát
triển kinh tế - xã hội năm 2022, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;*

*Xét Tờ trình số 46 /TTr-UBND, ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân xã Vĩnh Hòa về dự thảo Nghị quyết về bổ sung ngân sách xã năm 2023;
Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân xã
và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo về bổ sung ngân sách xã năm 2023 của Ủy ban
nhân dân xã trình tại kỳ họp với những nội dung chính như sau:

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

1. Phần thu

1.1. Tổng thu ngân sách năm 2023, dự toán giao đầu năm là: 7.346.541.000
đồng

1.2. Tổng dự toán bổ sung là: 5.054.105.508 đồng

1.3 Tổng dự toán thu cả năm là: 12.400.646.508 đồng

2. Phần chi.

2. 1. Tổng chi ngân sách năm 2023 là 7.346.541.000 đồng

2.2. Tổng dự toán bổ sung: 5.054.105.508 đồng

2. 3. Tổng dự toán chi cả năm : 12.400.646.508 đồng

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, hai Ban của Hội đồng nhân dân xã và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hòa khóa XXII, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Phòng tư pháp;
- Đại biểu HĐND huyện (ứng cử tại xã);
- BCH Đảng bộ, TT HĐND xã;
- UBND, TT UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hà Văn Hùng

Phụ lục: Bổ sung ngân sách xã năm 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 52 /NQ-HĐND xã, ngày 28 tháng 12 năm 2023 của HĐND xã)

Đơn vị tính: Đồng

I- PHẦN THU	Dự toán giao	Bổ sung	Tổng cộng
Tổng thu ngân sách năm 2023	7.346.541.000	5.054.105.508	12.400.646.508
A-Các khoản thu cân đối chi thường xuyên	338.600.000	0	338.600.000
I- Các khoản thu 100%	187.000.000		187.000.000
1-Thu từ quỹ đất công và hoa lợi công sản	125.000.000		125.000.000
2-Thu khác	47.000.000		47.000.000
3- Phí, lệ phí	15.000.000		15.000.000
II- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	151.600.000	0	151.600.000
1-Thuế GTGT từ hộ kinh doanh	46.400.000		46.400.000
2-Thuế thu nhập cá nhân từ hộ KD	23.200.000		23.200.000
3-Thuế SD đất phi nông nghiệp	13.000.000		13.000.000
4-Lệ phí môn bài từ cá nhân, hộ KD	9.000.000		9.000.000
5-Lệ phí trước bạ nhà, đất	60.000.000		60.000.000
B- Các khoản thu không cân đối	3.000.000.000	0	3.000.000.000
1-Thu tiền sử dụng đất	3.000.000.000		3.000.000.000
C- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.007.941.000	783.991.000	4.791.932.000
1.Bổ sung cân đối ngân sách xã	3.945.641.000		3.945.641.000
2.Thu bổ sung theo mục tiêu trong đó:		783.991.000	783.991.000
Thu XDCB công trình di chuyển đường dây 0,4KV TBA Vĩnh xuyên		555.991.000	555.991.000
Thu Môi trường		225.000.000	225.000.000
Thu trả công BCĐ Quy vùng SX		3.000.000	3.000.000
Dự phòng kinh phí huyện	62.300.000		62.300.000
D- Thu chuyển nguồn trong đó:		1.007.494.049	1.007.494.049
XDCB trạm y tế		14.880.000	14.880.000
Thu CCTL		992.614.049	992.614.049
E- Thu kết dư ngân sách Trong đó :		3.262.620.459	3.262.620.459
XDCB đường bà đô đến cổng ông thiện		978.786.138	978.786.138
Cải cách tiền lương		2.283.834.321	2.283.834.321
II-PHẦN CHI			
Chỉ tiêu	Dự toán giao	Bổ sung	Tổng cộng
Tổng chi ngân sách năm 2023	7.346.541.000	5.054.105.508	12.400.646.508
I-Chi xây dựng và sửa chữa cơ sở hạ tầng	3.000.000.000	1.549.657.138	4.549.657.138
II- Chi thường xuyên	4.284.241.000	3.504.448.370	7.788.689.370

1-Chi sự nghiệp kinh tế	93.016.000	-24.706.000	68.310.000
1.1-Sự nghiệp giao thông	34.200.000		34.200.000
1.2-Sự nghiệp Nông lâm thủy lợi	28.790.000	-4.540.000	24.250.000
10.3 Sự nghiệp Môi trường	30.026.000	-20.166.000	9.860.000
2-Sự nghiệp y tế	18.149.000	-11.699.000	6.450.000
3-Sự nghiệp văn hoá-thông tin-TDTT	19.000.000	0	19.000.000
4-Sự nghiệp phát thanh	35.000.000	5.000.000	40.000.000
Bổ sung nguồn cải cách tiền lương		5.000.000	5.000.000
5-Chi đảm bảo xã hội	185.852.000	682.000	186.534.000
Điều chỉnh giảm		-21.318.000	-21.318.000
Bổ sung Nguồn cải cách tiền lương		22.000.000	22.000.000
6-Chi quản lý hành chính	2.530.820.000	3.419.180.370	5.950.000.370
6.1-Quản lý nhà nước	1.968.424.000	3.417.439.961	5.385.863.961
Điều chỉnh giảm thường xuyên		-30.000.000	-30.000.000
Điều chỉnh tăng thường xuyên		116.173.000	116.173.000
Bổ sung có mục tiêu(Môi trường)		225.000.000	225.000.000
Bổ sung Nguồn cải cách tiền lương		3.106.266.961	3.106.266.961
6.3-Kinh phí đảng	562.396.000	1.740.409	564.136.409
Điều chỉnh giảm thường xuyên		-48.000.000	-48.000.000
Trong đó; Nguồn cải cách tiền lương		49.740.409	49.740.409
7-Chi đoàn thể trong đó:	734.600.000	112.796.000	847.396.000
Bổ sung Nguồn cải cách tiền lương		64.796.000	64.796.000
Điều chỉnh		48.000.000	48.000.000
7.1-Chi MTTQ	251.100.000	21.222.434	272.322.434
Bổ sung Nguồn cải cách tiền lương		21.222.434	24.796.000
7.2-Chi DTNCSHCM	151.500.000	18.351.132	169.851.132
Điều chỉnh tăng thường xuyên		8.500.000	8.500.000
Bổ sung nguồn cải cách tiền lương		9.851.132	9.851.132
7.3-Chi HPN	131.000.000	26.708.620	157.708.620
Điều chỉnh tăng thường xuyên		10.600.000	10.600.000
Bổ sung nguồn cải cách tiền lương		16.108.620	16.108.620
7.4-Chi HND	105.000.000	37.738.320	142.738.320
Điều chỉnh tăng thường xuyên		28.900.000	28.900.000
Bổ sung nguồn cải cách tiền lương		8.838.320	8.838.320
7.5-Chi CCB	96.000.000	8.775.494	104.775.494
Điều chỉnh tăng thường xuyên			0
Bổ sung nguồn cải cách tiền lương		8.775.494	8.775.494
8-Chi Hỗ trợ các đoàn thể xã hội		9.550.000	9.550.000
Điều chỉnh tăng thường xuyên		30.000.000	30.000.000
Điều chỉnh giảm		-20.450.000	-20.450.000

8-Chi an ninh xã hội	62.800.000	15.000.000	77.800.000
Nguồn cải cách tiền lương		5.000.000	5.000.000
Điều chỉnh tăng		10.000.000	10.000.000
9-Chi quốc phòng an ninh	354.604.000	-6.355.000	348.249.000
Điều chỉnh giảm		-30.000.000	-30.000.000
Bổ sung Nguồn cải cách tiền lương		23.645.000	23.645.000
10-Chi sự nghiệp giáo dục	15.000.000	-15.000.000	0
Điều chỉnh giảm		-15.000.000	-15.000.000
11. Chi HĐND	170.000.000		170.000.000
12-Tiết kiệm chi để CCTL	65.400.000		65.400.000
III-Chi dự phòng	62.300.000		62.300.000

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VĨNH HÒA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 53 /NQ-HĐND

Vĩnh Hòa, ngày 28 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Dự toán thu-chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VĨNH HÒA
KHÓA XXII, KỲ HỌP THỨ 13**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Ủy ban nhân
dân huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân
sách nhà nước năm và kế hoạch đầu tư công năm 2024;*

*Xét Tờ trình số 48 /TTr-UBND, ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân xã Vĩnh Hòa về Dự thảo Nghị quyết về dự toán thu- chi ngân sách và
phương án phân bổ ngân sách năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã
hội, Ban pháp chế Hội đồng nhân dân xã, ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng
nhân dân xã tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu - chi ngân sách và phương án phân bổ ngân
sách năm 2024 như sau: (có phụ lục chi tiết kèm theo).

1. Tổng thu- chi ngân sách năm 2024

1.1. Tổng thu ngân sách năm 2024: 9.267.181.000 đồng

1.2. Tổng chi ngân sách năm 2024: 9.267.181.000 đồng

2. Phương án phân bổ ngân sách năm 2024

2.1. Chi quản lý nhà nước: 2.317.799.440. đồng

2.2. Chi An ninh xã hội: 83.400.000 đồng.

2.3. Chi hoạt động quốc phòng: 404.500.000 đồng

2.4. Chi sự nghiệp Y tế: 18.243.000 đồng

2.5. Chi cho HĐND xã: 140.000.000 đồng

2.6. Chi sự nghiệp văn hoá- Thông tin TDTT: 25.000.000 đồng

2.7. Chi Đài truyền thanh: 63.504.000 đồng

- 2.8. Chi khối Đảng: 943.026.000 đồng
2.9. Chi cho MTTQ: 365.940.000 đồng
2.10. Chi cho ĐTNCSHCM: 236.784.000 đồng
2.11. Chi Hội phụ nữ: 207.326.640 đồng
2.12. Chi cho Hội nông dân: 161.410.000 đồng
2.13. Chi Hội cựu chiến binh: 147.467.920 đồng
2.14. Chi sự nghiệp xã hội: 240.716.000 đồng
2.15. Chi SN nông lâm thủy lợi: 28.790.000 đồng
2.16. Chi cho giao thông: 34.200.000 đồng
2.17. Chi Dự phòng: 68.800.000 đồng
2.18. Chi XDCB: 3.750.000.000 đồng

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban của Hội đồng nhân dân xã và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hòa khóa XXII kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND huyện;
 - UBND huyện;
 - Phòng tư pháp;
 - Đại biểu HĐND huyện (ứng cử tại xã);
 - BCH Đảng bộ, TT HĐND xã;
 - UBND, TT UBMTTQ xã;
 - Đại biểu HĐND xã;
 - Lưu: VP.
- (để báo cáo)



CHỦ TỊCH

Hà Văn Hùng

PHỤ LỤC
DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 53 /NQ-HĐND ngày 28/12/2023)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi	Tổng chi	Ghi chú
		9.267.181.000	
1	Chi quản lý nhà nước	2.317.799.440	
	Cán bộ không chuyên trách	530.000.000	
	Bảo hiểm +Kinh phí công đoàn	253.000.000	
	Chi lương,SHP,phụ cấp	1.002.000.000	
	Cước điện thoại + Báo chí + Điện SH	130.000.000	
	Chi gia đình chính sách	40.000.000	
	Quản lý phần mềm	34.423.840	
	Chi thường xuyên	328.375.600	
2	An ninh xã hội	83.400.000	
	KP phòng chống cháy nổ	15.000.000	
	KP thôn, KDC xã an toàn	1.500.000	
	Thường xuyên theo quy định	18.000.000	
	Phụ cấp trưởng, phó đội dân phòng, CAV	48.900.000	
3	Hoạt động quốc phòng	404.500.000	
	Các khoản phụ cấp	89.000.000	
	Bảo hiểm +Kinh phí công đoàn	49.500.000	
	Chi lương,SHP	120.000.000	
	Tuyển quân	20.000.000	
	Huấn luyện dân quân tự vệ + Trục tết	87.000.000	
	Chi thường xuyên khác	18.000.000	
	Phụ cấp đào tạo	21.000.000	
4	Chi sự nghiệp Y tế	18.243.000	
5	Chi cho HĐND xã	140.000.000	
	Chi thường xuyên	30.000.000	

	Chi các kỳ họp	80.000.000	
	Chi giám sát	30.000.000	
6	Sự nghiệp văn hoá	15.000.000	
7	Đài truyền thanh	63.504.000	
8	Sự nghiệp TDTT	10.000.000	
9	Chi khối Đảng	943.260.000	
	Bảo hiểm +Kinh phí công đoàn	81.500.000	
	Chi lương,sinh hoạt phí, + Công tác phí	319.000.000	
	Các khoản phụ cấp+lương bán chuyên trách	250.240.000	
	Tổ dân vận	12.000.000	
	Chi theo QĐ 99	197.000.000	
	Đại hội chi bộ	83.520.000	
10	Chi cho MTTQ	365.980.000	
	Bảo hiểm +Kinh phí công đoàn	27.500.000	
	Các khoản phụ cấp	146.880.000	
	Lương sinh hoạt phí	105.100.000	
	Cuộc vận động toàn dân DK XDNTM	16.000.000	
	Hoạt động BCTMT thôn	12.000.000	
	Đại hội MTTQ	30.000.000	
	Hoạt động MTTQ	13.500.000	
	Cuộc vận động toàn dân DK XDNTM	15.000.000	
11	Chi cho ĐTNCSHCM	236.784.000	
	Bảo hiểm +Kinh phí công đoàn	34.000.000	
	Lương, sinh hoạt phí	121.284.000	
	Hoạt động chi đoàn,chi hội	12.000.000	
	Hoạt động hè	50.000.000	
	Chi thường xuyên +Đại hội liên hiệp TN	19.500.000	
12	Chi Hội phụ nữ	207.326.640	
	Bảo hiểm +Kinh phí công đoàn	30.896.640	

	Lương, sinh hoạt phí	150.930.000	
	Hoạt động chi đoàn,chi hội	12.000.000	
	Thường xuyên khác	13.500.000	
13	Chi cho hội nông dân	161.410.000	
	Bảo hiểm +Kinh phí công đoàn	36.000.000	
	Lương sinh hoạt phí	99.910.000	
	Chi cho chi hội -	12.000.000	
	Chi thường xuyên	13.500.000	
14	Chi hội cựu chiến binh	147.467.920	
	Bảo hiểm +Kinh phí công đoàn	16.657.920	
	Lương sinh hoạt phí	95.310.000	
	Hoạt động chi đoàn,chi hội	12.000.000	
	Chi thường xuyên	13.500.000	
	Kinh phí hỗ trợ đại hội thi đua	10.000.000	
15	Chi các hội đoàn thể khác +ĐH	30.000.000	
16	Chi sự nghiệp xã hội	240.716.000	
	SHP già yếu nghỉ việc	207.216.000	
	Chi khác	33.500.000	
17	Chi SN nông lâm thủy lợi	28.790.000	
18	Chi cho giao thông	34.200.000	
19	Dự phòng	68.800.000	
20	Tiết kiệm chi để CCTL		
21	Chi XDCB	3.750.000.000	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VĨNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54 /NQ-HĐND

Vĩnh Hòa, ngày 28 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công năm 2023. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch đầu tư công năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VĨNH HÒA
KHÓA XXII, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 973/2020/NQ-UBTVQH 14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ vào Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/12/2020 của Hội đồng nhân dân xã khóa XXI về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Vĩnh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm và kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Xét Tờ trình số 47 /TTr-UBND, ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa về dự thảo Nghị quyết về kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công năm 2023. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch đầu tư công năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công năm 2023, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch đầu tư công năm 2024 với những nội dung chính như sau:

PHẦN 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIẢI NGÂN VỐN
ĐẦU TƯ CÔNG 11 THÁNG NĂM 2023.

Tổng số vốn giải ngân là: 1.477.277.138 đồng

Trong đó: Nguồn kết dư ngân sách năm 2022 sang 2023 là: 978.786.138 đồng

Nguồn cấp trên hỗ trợ (Chi hộ)

498.491.000 đồng

Gồm các công trình sau:

1. Công trình di chuyển đường dây 0,4KV sau TBA Vĩnh Xuyên để phục vụ giải phóng mặt bằng công trình: Cải tạo nâng cấp tuyến đường vào xã Vĩnh Hòa đoạn từ DH1 đến quốc lộ 37. (Chi hộ)

Giá trị công trình: 555.991.000 đồng

Giá trị thanh toán đến ngày 30/11/2023 : 498.491.000 đồng

2. Công trình cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn, thôn Ngọc Hòa đoạn từ ngã ba Bà Đô đội 8 đến ngã ba Ông Thiện đội 4.

Giá trị công trình: 7.377.945.000 đồng

Giá trị thanh toán đến 30/11/2023: 978.786.138 đồng

PHẦN 2
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH
ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025

A. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025.

Giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: Công trình Nhà làm việc Công an xã; 6.200.000.000 đồng.

Giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025: Công trình Nhà lớp học 4 phòng tầng 3 trường THCS; 2.000.000.000 đồng

Tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là: 92.046.806.000 đồng (trong đó nguồn vốn cũ 100. 246.806.000 đồng điều chỉnh giảm 8.200.000.000 đồng)

B. Bổ sung tăng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025

I. Nguồn vốn cho các công trình là; 1.200.000.000 đồng;

Trong đó;

Nguồn vốn từ nguồn cấp QSDĐ năm 2024 khu dân cư mới thôn Vĩnh Xuyên giai đoạn 2 (phần tăng thu); 1.200.000.000 đồng.

II. Tổng số công trình bổ sung mới là 01 công trình, số vốn là 1.200.000.000 đồng.

Trong đó;

1. Cải tạo Cầu chùa, nâng cấp ĐGT đoạn đường từ ngã ba Cầu chùa đến QL 37:

Tổng mức đầu tư: 1.200.000.000 đồng

2. Công trình cải tạo, nâng cấp cầu trên kênh T8 trạm bơm Hiệp Lễ, huyện Ninh Giang (Cầu đền, xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương)

Tổng mức đầu tư: 5.000.000.000 đồng

III. Bổ sung nguồn vốn đầu tư công trung hạn năm 2024 là; 6.200.000.000 đồng. Tổng vốn đầu tư trung hạn là; 98.246.806.000 đồng (trong đó; vốn cũ là 92.046.806.000 đồng; bổ sung tăng là; 6.200.000.000 đồng)

PHẦN 3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

I. Nguồn vốn dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024: 28.000.000.000 đồng

Gồm: Dự kiến phân bổ nguồn vốn năm 2023 chuyển sang là 8.700.000.000 đồng.

Tiền cấp quyền sử dụng đất năm 2024; 14.300.000.000 đồng.

Đề nghị ngân sách cấp trên tỉnh hỗ trợ: 5.000.000.000 đồng

Trong đó; Chuyển giao các công trình đầu tư công năm 2023 chưa thực hiện là; 03 công trình, 03 công trình KH đầu tư công mới năm 2024.

II. Dự kiến chi trả nợ XDCB các công trình đủ điều kiện thanh toán từ 31/12/2023 trở về trước là: 4.013.628.000 đồng.

III- Kế hoạch đầu tư công năm 2024 và dự kiến phân bổ nguồn vốn đầu tư công năm 2024.

1. Các công trình chuyển giao năm 2023 sang đầu tư năm 2024;

1.1. Sửa chữa mái trường Mầm non; (KH đầu tư công năm 2023)

Tổng mức đầu tư; 500.000.000 đồng.

Nguồn vốn dự kiến phân bổ năm 2024; 500.000.000 đồng.

1.2. Nâng cấp sân vận động trung tâm ;): (KH đầu tư công năm 2023)

Tổng mức đầu tư là; 3.400.000.000 đồng.

Nguồn vốn dự kiến phân bổ năm 2024; 3.400.000.000 đồng

1.3. Cải tạo nâng cấp đường GGTNT từ nghĩa trang đi cổng ông Toàn đội 11 và 3 nhánh:

Tổng mức đầu tư: 10.886.272.000 đồng

Hà Văn Hùng